

MA-HA CHỈ QUÁN

QUYỂN 2

(Phân Đầu)

Hai là khuyến tấn, bốn thứ Tam-muội nhập Bồ-tát vị, nói Chỉ Quán này, là muốn bước lên địa vị Diệu giác chẳng phải tu hành không có thêm bậc, khéo hiểu biết dù mài thì đề hồ có thể được. Kinh Pháp Hoa chép: Lại thấy Phật đệ tử tu các hạnh để cầu Phật đạo. Hành pháp rất nhiều lược nêu ra có bốn: 1. Thường ngồi; 2. Thường đi; 3. Nửa đi nửa ngồi; 4. Chẳng đi chẳng ngồi. Thông thường gọi chung Tam-muội là điều trực định. Đại luận chép: Khéo an trụ tâm một chỗ bất động, ấy gọi là Tam-muội. Pháp giới là nhất xứ (một chỗ), chánh quán năng trụ bất động, bốn hạnh làm duyên, quán tâm nương nhờ duyên điều trực, cho nên gọi là Tam-muội.

1. Thường ngồi: Nghĩa là Văn-thù thuyết Bát-nhã và Văn-thù vấn Bát-nhã gọi là Nhất hạnh Tam-muội. Ở đây trước nêu rõ phương pháp, kế đến nói về khuyến tu. Về phương pháp: Thân nói về khai ngăn, miệng nói về nói nín, ý nói về Chỉ Quán. Thân khai thường ngồi, ngăn đi đứng nằm, hoặc có thể ở riêng chúng thì càng tốt, ở trong một ngôi nhà yên tĩnh hoặc chỗ vắng lặng, xa lìa nơi ồn ào ngồi trên giường dây bên cạnh không có các chỗ ngồi khác, như vậy chín mươi ngày làm một kỳ hạn, ngồi ngay ngắn không lay động, không cong người, không dựa kê, phải ngồi tự thệ, hông không dựa vào giường, hướng là nằm như thầy chết mà đứng vui chơi, trừ kinh hành, ăn uống, tiện lợi, ngồi thẳng mặt ngó về phía bất cứ một Đức Phật nào, thời khắc nói nhau không để phí một khoảnh khắc, chỗ khai là chuyên ngồi, chỗ ngăn cấm thì chớ phạm, không khinh thường Phật, không phụ tâm mình, không lừa dối chúng sinh.

Miệng thì luận về nói năng hay im lặng, nếu ngồi mỗi mệ, hoặc tật bệnh khốn khổ, hoặc bị ngủ nghỉ che lấp, nghiệp chướng trong ngoài xâm đoạt, tâm chánh niệm không thể xua tan, thì phải chuyên niệm danh hiệu một Đức Phật, hổ thẹn mà thành tâm sám hối quy mạng,

cùng xưng danh hiệu các Đức Phật trong mười phương, công đức cũng bình đẳng. Vì sao? Vì như người buồn vui uất ức trong lòng mà nói ra được, hoặc khóc hay cười thì thoải mái, người tu hành cũng giống như vậy, gió xúc phạm vào bầy chổ thì thành thân nghiệp, âm thanh phát ra khỏi môi gọi là khẩu nghiệp, hai thứ có thể trợ giúp lẫn nhau, ý cảm đến Đức Phật ứng xuống, như người kéo nặng tự sức không thể kéo tới trước được, phải nhờ người bên cạnh giúp mới nâng lên nổi, người tu hành cũng giống như vậy. Tâm yếu đuối không thể dứt bỏ nghiệp chướng, xưng danh thỉnh các Ngài che chở, để duyên ác không thể phá hoại. Nếu đối với pháp môn chưa hiểu thì phải gặn gùi để được giảng lý Bát-nhã, như nghe tu học có thể chứng nhập Tam-muội Nhất hạnh, tận mắt thấy các Đức Phật, các Bồ-tát, tụng kinh tụng chú còn làm ồn ào chổ thanh tịnh, huống gì nói chuyện thế tục ư!

Ý thì luận về Chỉ Quán: là ngồi thẳng chánh niệm, dứt bỏ ác giác, xả các loạn tưởng, chớ suy nghĩ lăng xăng, không chấp tướng mạo, chỉ duyên vào pháp giới, nhất niệm pháp giới. Nhiều duyên là chỉ, nhất niệm là quán, tin tất cả pháp đều là Phật pháp, không trước không sau, không còn bờ mé. Về không biết, không nói, nếu không biết không nói thì chẳng phải có chẳng phải không. Chẳng biết, chẳng phải không biết là lìa hai bên, trụ vô sở trụ, như các Đức Phật an trụ trong pháp giới vắng lặng. Nghe pháp sâu xa nhiệm mầu này chớ nên kinh sợ, pháp giới này cũng gọi là Bồ-đề, cũng gọi cảnh giới bất khả tư nghì, cũng gọi là Bát-nhã, cũng gọi là bất sinh bất diệt. Tất cả pháp như vậy cùng pháp giới không hai không khác. Nghe không hai không khác chớ nên nghi ngờ, có thể như vậy mà quán thì gọi là quán mười hiệu của Như Lai, khi quán Như Lai không cho Như Lai là Như Lai, không có Như Lai là Như Lai, cũng không có trí Như Lai hiểu biết Như Lai, Như Lai và trí Như Lai không có hai tướng, không có tướng động, không có tướng tác, không ở tại phương hướng, không lìa phương hướng, chẳng phải ba đời, chẳng phải không có ba đời, chẳng phải hai tướng, chẳng phải không có hai tướng, chẳng phải tướng cấu uế, chẳng phải tướng thanh tịnh, quán Như Lai như thế rất là ít có, giống như hư không chẳng có lầm lỗi, thêm vững chánh niệm. Thấy tướng tốt của Phật như soi gương, soi nước, tự thấy hình bóng mình. Ban đầu thấy một Đức Phật, kế đến thấy các Đức Phật khắp mười phương, không dùng thần thông để thấy Phật, chỉ trụ ở đây thấy được các Đức Phật, nghe Phật nói pháp, chứng được nghĩa như thật, vì tất cả chúng sinh thấy Như Lai mà không chấp tướng Như Lai; giáo hóa tất cả chúng sinh hướng đến Niết-bàn mà không chấp tướng

Niết-bàn, vì tất cả chúng sinh phát đại trang nghiêm mà không thấy tướng trang nghiêm. Vô hình vô tướng, không thấy nghe hiểu biết, Phật không chứng đắc gọi là ít có. Vì sao? Vì Phật tức là pháp giới, nếu dùng pháp giới chứng pháp giới tức là tranh luận, vô chứng vô đắc, quán tướng chúng sinh như tướng các Đức Phật, giới lượng chúng sinh như giới lượng các Đức Phật, giới lượng các Đức Phật không thể suy nghĩ bàn luận, giới lượng chúng sinh cũng không thể suy nghĩ bàn luận. Cõi chúng sinh trụ như cõi hư không trụ, vì pháp bất trụ, vì pháp vô tướng nên trụ trong Bát-nhã. Không thấy có pháp phàm phu thì làm sao xả, không thấy Thánh pháp thì làm sao chấp, sinh tử Niết-bàn, cấu tịnh cũng giống như vậy, không bỏ không chấp chỉ trụ thật tế. Quán chúng sinh như thế mới là pháp giới Phật chân thật, quán các phiền não, tham dục, sân nhuế, thường là hạnh vắng lặng, là hạnh bất động, chẳng phải pháp sinh tử, chẳng phải pháp Niết-bàn. Không xả các kiến, không xả vô vi, mà tu Phật đạo, chẳng tu đạo chẳng phải không tu đạo, đó gọi là chánh trụ phiền não pháp giới.

Quán nghiệp trọng: Không ngoài năm tội nghịch. Năm tội nghịch tức là Bồ-đề, Bồ-đề và năm tội nghịch không có hai tướng. Vô giác, là vô tri, vô phân biệt là tướng tội nghịch, tướng thật tướng đều bất khả tư nghì, không thể phá hoại, vốn không có bản tánh, tất cả nghiệp duyên đều trụ trong thật tế, không đến không đi, chẳng nhân chẳng quả, đó gọi là quán nghiệp, tức là pháp giới ấn. Pháp giới ấn, bốn ma không thể phá hoại được, không thể tìm dịp làm hại được. Vì sao? Vì ma tức là pháp giới ấn, pháp giới ấn làm sao hủy hoại pháp giới ấn được. Do ý này, đối với tất cả pháp cũng có thể hiểu. Những điều nói trên là văn kinh. Về khuyến tu, là công đức xứng thật khen thưởng đối với người tu hành. Pháp giới pháp là pháp chân thật của Phật, là ấn Bồ-đề. Người nghe pháp này mà không kinh sợ, là người ở chỗ trăm ngàn muôn ức Phật đã gieo trồng gốc đức, thí như Trưởng giả mất ngọc ma-ni sau tìm lại được tâm rất vui mừng. Bốn chúng không nghe pháp này thì tâm khổ não, hoặc nghe tin hiểu vui mừng cũng giống như vậy, phải biết người ấy tức là thấy Phật, đã từng nghe pháp này với ngài Văn-thù. Thân Tử nói: Xét hiểu nghĩa này gọi là Bồ-tát Ma-ha-tát. Ngài Di-lặc nói: Người ấy được gần gũi Phật, ngồi tòa Phật, giác ngộ được pháp này. Cho nên Văn-thù nói: Nghe pháp này không sợ hãi tức là thấy Phật. Phật dạy: Liền trụ địa vị không lui sụt, đầy đủ sáu ba-la-mật, đầy đủ tất cả Phật pháp. Nếu người muốn được tất cả Phật pháp, tướng tốt oai nghi, âm thanh nói pháp, mười Lực vô úy thì phải thực hành yam muội Nhất hạnh này, khuyên

răn thực hành không biếng nhác thì sẽ được đắc nhập, như sữa mài ngọc ma-ni cho sáng đẹp, chứng đắc công đức bất khả tư nghì. Bồ-tát có khả năng hiểu biết, mau chứng đắc Bồ-đề, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nghe không kinh sợ, liền xuất gia với Phật. Tín sĩ, tín nữ nghe không sợ hãi liền quy y chân thật, lời khen tặng này nằm ngoài hai kinh kia.

2. Thường hành Tam-muội: Trước hết là phương pháp, kế đến là khuyến tu. Phương pháp: Thân khai già, miệng nói năng im lặng, ý Chỉ Quán. Pháp này rút ra trong kinh Bát-chu Tam-muội, dịch là Phật lập. Phật lập có ba nghĩa: 1. Phật uy lực; 2. Tam-muội lực; 3. Hành giả bản công đức lực. Có thể ở trong định thấy các Đức Phật mười phương đứng ở trước mặt, như mắt người trong sáng ban đêm thấy sao, thấy các Đức Phật trong mười phương cũng nhiều như vậy, cho nên gọi Tam-muội Phật lập. Kệ trong luận Thập trụ Bà-sa chép: Tam-muội trụ xứ ấy, trong ít nhiều sai biệt. Các tướng như vậy cũng phải luận về nghĩa. Trụ xứ: hoặc ở Sơ thiên, Nhị thiên, Tam thiên, Tứ thiên, phát huy thế lực có thể sinh Tam-muội, cho nên gọi là Trụ xứ. Sơ thiên ít, Nhị thiên vừa, Tam thiên, Tứ thiên nhiều. Hoặc trụ trong thời gian ngắn gọi là thiếu (ít), hoặc thấy thế giới thiếu, hoặc thấy Phật thiếu, cho nên gọi là thiếu (ít), trung nhiều cũng giống như vậy. Thân khai thường hành, khi thực hành pháp này thì tránh ác tri thức và người si, thân thuộc hàng xóm, thường ở một chỗ, không được hy vọng người khác, có mong cầu gì, thường khát thực không nhận thỉnh riêng, trang sức đạo tràng, sắm đầy đủ các thứ hương thơm, quả hoa cúng dường, tắm gội thân sạch sẽ, hai bên ra vào thay đổi y phục, chỉ chuyên thực hành chín mươi ngày làm một kỳ hạn, thỉnh cầu minh sư giỏi luật nội ngoại, có khả năng dứt bỏ chướng ngại, nghe được pháp Tam-muội như được thấy Thế tôn, không nghi ngờ, không tức giận, không thấy ngắn dài, phải lột da thịt cúng dường thầy, huống là các thứ khác ư? Hầu thầy như đầy tớ hầu chủ, đối với thầy sinh tâm ác thì cầu pháp Tam-muội cuối cùng khó được, phải che chở bên ngoài như mẹ nuôi con, phải đồng hành như cùng đi vào đường nguy hiểm, cần phải thệ nguyện trong kỳ hạn, khiến cho gân cốt của ta khô mục, học Tam-muội này không được thì không bao giờ dừng nghỉ, khởi đại tín tâm, không thể hủy hoại, khởi đại tinh tấn không ai sánh bằng, thâm nhập trí tuệ không ai sánh bằng, thường thực hành theo thầy tốt, trong suốt ba tháng không được nghĩ đến sự ham muốn của thế gian, dù chỉ trong khoảnh khắc, trong ba tháng không được nằm, dù chỉ trong chốc lát, suốt ba tháng đi không được dừng nghỉ, trừ ngồi ăn. Nói kinh cho người nghe không được mong cầu cơm áo. Kệ trong luận Bà-sa nói

rằng: Gần gũi Thiện tri thức, tinh tấn không biếng nhác, trí tuệ rất vững chắc, sức tin không vọng động.

Về miệng nói nín: Trong chín mươi ngày thân thường thực hành không dừng nghỉ, chín mươi ngày miệng thường xưng niệm danh hiệu Phật A-di-đà không dừng nghỉ, hoặc vừa xưng vừa niệm, chín mươi ngày tâm thường niệm Phật Được-di-đà không dừng nghỉ. Hoặc trước niệm sau xưng, hoặc trước xưng sau niệm, xưng niệm nối nhau không lúc nào dừng nghỉ. Hoặc xưng Di-đà tức là xưng công đức của các Đức Phật khắp mười phương... chỉ chuyên lấy đức Di-đà làm chủ pháp môn, nêu lời cốt yếu. Từng bước từng niệm, từng tiếng chỉ duyên theo Đức Phật A-di-đà.

Ý luận về Chỉ Quán, Niệm Đức Di-đà ở cõi Tây phương cách đây mười muôn ức cõi Phật, ở nơi đó có đất báu, ao báu, cây báu, nhà báu, ngòi nói kinh giữa chúng Bồ-tát, ba tháng thường niệm Phật. Niệm như thế nào? Niệm ba mươi hai tướng, từ tướng bánh xe ngàn căm dưới chân, mỗi mỗi nghịch duyên lại niệm các tướng cho đến tướng vô kiến đánh, cũng nên từ trên đánh, tướng thuận duyên cho đến bánh xe ngàn căm, khiến cho ta cũng bằng tướng ấy; lại nghĩ ta sẽ từ tâm thành Phật, từ thân thành Phật. Phật không dụng tâm để đắc, không dụng thân để đắc, không dụng tâm đắc Phật sắc, không dụng sắc đắc Phật tâm. Vì sao? Vì tâm là Phật vô tâm, sắc là Phật vô sắc, cho nên không dụng sắc tâm để chứng đắc Tam-bồ-đề. Phật sắc đã hết cho đến thức đã hết, lời Đức Phật nói cũng hết, người si không biết người trí hiểu rõ. Không dụng thân miệng thành Phật, không dùng trí tuệ thành Phật. Vì sao? Vì cầu trí tuệ không thật có, tự tìm cầu ta hoàn toàn không thật có, cũng không thật thấy, tất cả pháp vốn không bị hoại diệt, vốn đã bất gốc, như mộng thấy bảy báu thân thuộc vui mừng, thức dậy rồi tìm nhớ không biết ở đâu! Niệm Phật cũng giống như vậy. Lại, như ở nước Xá-vệ có người nữ tên Tu-môn nghe việc này tâm rất vui mừng, ban đêm mộng làm việc gì khi tỉnh dậy nhớ đến việc đó, nghĩ rằng kia không đến, ta cũng không đi mà sự vui rõ ràng, phải biết niệm Phật cũng giống như vậy. Như có người đói khát lạnh lẽo, mộng thấy ăn đồ ngon ngọt, khi thức dậy thì bụng vẫn đói, tự nghĩ tất cả pháp sở hữu đều như mộng, phải niệm Phật như vậy, thường niệm không được dừng nghỉ, nhờ công lực của sự niệm này sẽ sinh về cõi nước của Phật A-di-đà, đó gọi là như tướng niệm. Như người dùng vật báu để gần ngọc lưu ly thì vật báu ảnh hiện trong đó, cũng như Tỳ-kheo quán hải cốt mà sinh ra các ánh sáng, đây không phải người đem đến, cũng không có hải cốt, chỉ do ý khởi mà

thôi! Như hình tượng trong gương không phải từ ngoài đến, cũng không phải ở trong sinh, do gương trong sáng cho nên tự thấy hình kia. Người tu hành sắc thanh tịnh thì tất cả thanh tịnh, muốn thấy Phật liền thấy Phật, thấy liền hỏi, hỏi liền báo, nghe kinh rất vui mừng.

Tự nghĩ Phật từ chỗ nào đến, ta cũng không có chỗ đi, ta niệm liền thấy, các tướng Phật tâm, tự thấy tâm, thấy Phật tâm, do Phật tâm này là tâm ta thấy Phật, tâm không tự biết tâm, tâm không tự thấy tâm. Tâm có tướng gọi là si tâm, không tướng gọi là Nê-hoàn, pháp này không thể chỉ bày, nếu chỉ nghĩ việc làm thì dù có niệm cũng hoàn toàn không được gì. Kệ nói rằng: Tâm không hề biết tâm, có tâm không thấy tâm, tâm khởi tướng tức si, không tướng tức Nê-hoàn. Các Đức Phật từ tâm mà được giải thoát, tâm ấy không cấu nhiễm gọi là thanh tịnh. Năm đường trong sạch, không thọ sắc, có người hiểu ý này mới thành đại đạo, đó gọi là Phật ấn, không tham không đắm, không cầu không tướng, tất cả hết, sở dục hết, không từ đâu sinh, diệt không đi về đâu, không bị bại hoại, đạo quan trọng là gốc đạo, đó là ấn mà Nhị thừa không thể phá hoại, huống chi ma ư!...

Luận Bà-sa nói Bồ-tát tâm phát ý trước niệm sắc tướng Phật thể tướng của tướng, tướng nghiệp, tướng quả, tướng dụng được chút ít thế lực, kế niệm bốn mươi pháp bất cộng của Phật, tâm được thế lực bậc trung, kế niệm thật tướng của Phật, chứng đắc thế lực, kế là niệm thật tướng của Phật chứng đắc thế lực tối thượng, nhưng không đắm chấp sắc thân và Pháp thân. Kệ nói rằng: Không tham đắm sắc thân, Pháp thân cũng không đắm, khéo biết tất cả pháp, vắng lặng như hư không.

Về khuyên tu: Nếu có người muốn được trí tuệ như biển lớn, khiến cho người không thể làm thầy ta, thì ngồi đây không vận thần thông đều thấy các Đức Phật, đều nghe nói, đều thọ trì, Tam-muội thường hành, đối với các công đức thì công đức này là bậc nhất trên hết. Pháp Tam-muội này là mẹ của các Đức Phật, Phật nhãn là cha của Phật, vô sinh là mẹ của đại bi, tất cả các Đức Phật đều từ hai pháp này mà sinh, nghiền nát cả đất và cỏ cây trong đại thiên thành bụi vi trần, một hạt bụi là một cõi Phật, vật báu đầy khắp trong thế giới đem bố thí thì phước kia rất nhiều, nhưng không bằng không kinh sợ pháp Tam-muội này, huống chi kính tín, thọ trì, đọc tụng, giảng nói cho người nghe, huống chi định tâm tu tập, như thời gian cấu tạo thành sữa bò, huống chi có thể thành tựu pháp Tam-muội này, cho nên là vô lượng vô lượng. Luận Bà-sa chép: Kiếp hỏa mà quan tặc oán độc, rồng thú dữ các bệnh xâm tổn người ấy thì không có việc ấy, người ấy thường được tám bộ trời, rồng, các Đức

Phật đều cùng hộ niệm khen ngợi, đều cùng muốn thấy, cùng đến chỗ người ấy. Nếu nghe pháp Tam-muội này thì được bốn lần công đức đều tùy hỷ, các Đức Phật, Bồ-tát ba đời đều tùy hỷ, lại thù thắng hơn bốn lần công đức trên, nếu không tu pháp này thì như đánh mất vô lượng vật báu quý giá, trời người đều lo buồn, như người nghẹt mũi cầm chiên-đàn mà không biết hương thơm, như con nhà nông treo ngọc ma-ni trên đầu bò...

3. Nói về bán hành bán tọa (nửa đi nửa ngồi): Cũng trước là phương pháp, kế là khuyến tu. Phương pháp: Thân khai già, miệng nói nín, ý Chỉ Quán. Pháp này xuất xứ từ hai kinh: Kinh Phương Đẳng chép: Đi nhiều một trăm hai mươi vòng rồi trở về ngồi tư duy. Kinh Pháp Hoa chép: Người kia hoặc đi, hoặc đứng mà đọc tụng kinh này, hoặc ngồi tư duy kinh này, thì ta cõi voi trắng sáu ngà hiện trước mặt người ấy, cho nên biết tất cả đều lấy nửa đi, nửa ngồi làm phương pháp. Phương đẳng chí tôn không thể như vậy, nếu muốn tu tập thân mình làm chứng, trước hết cầu mộng vương, nếu được thấy một lần thì cho phép sám hối, ở nơi đạo tràng thanh tịnh trang nghiêm, dùng bùn đất thơm tô trét ngoài trong nhà, tạo lập đàn tràng, họa vẽ cờ phướn năm màu, đốt hương chiên-đàn hải ngạn, trái tòa cao, thỉnh hai mươi bốn tôn tượng, nhiều hơn cũng không ngại, thiết lập thực phẩm quý giá phải hết lòng, phải đắp mang y phục, giày dép sạch mới, ra vào cởi mặc không để cho lẫn lộn, bảy ngày ăn chay, mỗi ngày ba lần tắm gội, ngày đầu cúng dường tăng tùy ý nhiều ít, thỉnh riêng một vị luật sư thông giỏi nội ngoại làm thầy, thọ hai mươi bốn giới và chú Đà-la-ni, đối trước thầy xưng tội, chủ yếu hàng tháng vào ngày tám, ngày mười lăm, phải lấy bảy ngày làm một kỳ hạn, quyết không thể giảm bớt, nếu có thể càng tăng tiến thì tùy ý chịu đựng được. Mười người trở lại không được vượt hơn, người thế tục cũng được, cần phải may riêng đầy đủ ba y đúng với nghi thức Phật pháp.

Miệng nói nín, tụng trước một thiên chú Đà-la-ni để cho lợi lạc, vào ngày mừng một điều trì tụng khác miệng đồng lời, ba biến triệu thỉnh Tam bảo và các Đức Phật mười phương, Phương đẳng phụ mẫu, Thập pháp vương tử, triệu thỉnh pháp trong bộ Quốc Thanh bách lục, thỉnh xong đốt hương chí thành niệm ba nghiệp cúng dường. Cúng dường xong lễ lạy trước rồi thỉnh Tam bảo, lễ xong tâm chí thành buồn rơi lệ, bày tỏ sám hối tội lỗi xong, đứng dậy đi nhiều một trăm hai mươi vòng, một vòng tụng một bài chú không chậm không nhanh, không cao không thấp, đi quanh tụng chú xong, lễ Thập Phật Phương Đẳng, Thập pháp

vương tử, làm như vậy xong rồi, trở về ngôi tư duy, tư duy xong lại đứng dậy đi nhiều tụng chú, đi quanh tụng chú xong lại trở về ngôi tư duy, vòng quanh rồi trở lại từ đầu, suốt trong bảy ngày, pháp ấy như vậy, từ thời thứ hai lược triệu thỉnh, các thời khác đều như thường.

Ý Chỉ Quán: Kinh dạy tư duy, tư duy Ma-ha dẫn trì Đà-la-ni, Hán dịch là Đại bí yếu ngăn ác giữ thiện. Bí yếu còn là thật tướng Trung đạo chánh không. Kinh dạy: Ta từ trong chân thật đến. Chân thật là tướng vắng lặng, tướng vắng lặng ấy không có sở cầu, người cầu cũng không, được là dính mắc, thật là đến ngữ là hỏi, thấy đều không, Niết-bàn vắng lặng cũng đều là không, tất cả hư không phân giới cũng lại đều không. Đối với vô sở cầu ta cố ý cầu, pháp không không chân thật như vậy, phải làm sao để cầu! Cầu trong sáu Ba-la-mật, ở đây đồng với thập bát không của Đại phẩm. Đại kinh chép: Thành Ca-tỳ-la không, Như Lai không, đại Niết-bàn không, không có gì khác. Do không tuệ này trải qua tất cả sự việc đều thành quán.

Phương Đẳng: Hoặc nói là rộng lớn bình đẳng, ở đây nói phương là pháp. Bát-nhã có bốn phương pháp, nghĩa là bốn môn nhập vào ao mát mẽ tức là phương, lý sở khế bình đẳng, đại tuệ tức là bình đẳng. Khiến cầu mộng vương tức là nhị quán phương tiện trước. Đạo tràng tức là cảnh giới thanh tịnh. Diệt trừ được vỏ bọc năm trụ phiền não, hiển bày nguồn gốc thật tướng, cũng là định tuệ dùng để trang nghiêm Pháp thân. Hương xoa tức vô thượng Thi-la (giới). Lọng năm màu: Quán năm ấm tránh khỏi sự trói buộc, sinh khởi tâm đại Từ bi, bao trùm khắp pháp giới. Đàn tròn: Tức thật tướng bất động địa. Phướn thêu vẽ năm màu tức trở lại trên pháp giới mê lầm, sinh hiểu động xuất, cờ phướn và đàn tràng không lia nhau, tức động xuất, bất động xuất không lia nhau. Hương đèn tức giới tuệ. Tòa cao tức các pháp không, tất cả các Đức Phật đều dùng nơi không này.

Hai mươi bốn tượng, tức là trí quán mười hai nhân duyên nghịch thuận rõ ràng. Thức ăn ngon: Tức là vô thường, khổ, đáp lại trợ đạo quán. Y mới sạch, tức là tịch diệt nhãn, vì sân nên hoặc nghiệp chướng chất chứa nhóm, lại bỗng nhiên sân khởi nên gọi là tâm. Bảy ngày tức là bảy giác chi, một ngày tức nhất thật đế, ta tắm gội ba lần tức quán nhất thật, tu ba quán, sạch ba chướng, tịnh ba trí.

Nhất sư: Tức nhất thật đế. Hai mươi bốn giới, Quán nghịch thuận mười hai nhân duyên phát sinh đạo cộng giới. Chú: Là dặn dò. Kinh Anh lạc nói mười hai nhân duyên có mười thứ, tức có một trăm hai mươi chi, một chú một chi, tóm lại mà nói chỉ là ba đường, đó là: Nghiệp,

khổ, phiền não. Nay chú nhân duyên này tức là chú nơi ba đường mà luận về sự sám hối. Sự sám hối khổ đạo, nghiệp đạo, lý sám hối phiền não. Văn chép: Phạm giới Sa-di cho đến giới Tỳ-kheo nếu không sinh lại thì không có việc đó, tức là văn sám hối nghiệp đạo. Các căn nhãn, nhĩ thanh tịnh tức văn sám hối khổ đạo. Đến ngày thứ bảy thấy các Đức Phật trong mười phương nghe pháp được không lui sụt, tức văn sám hối phiền não đạo. Ba chương dứt thì cây mười hai nhân duyên gãy đổ, cũng là nhà năm uẩn trống không, tư duy thật tướng chính là pháp điều này đây, cho nên gọi là thật pháp sám hối của các Đức Phật.

Khuyến tu: Các Đức Phật đắc đạo đều do pháp này, gọi Phật là cha mẹ, là vật báu vô thượng của thế gian. Nếu tu hành chứng được toàn phần bảo, chỉ đọc tụng thì đắc trung phần bảo, dùng hương hoa cúng dường đắc hạ phần bảo. Đức Phật cùng ngài Văn-thù nói hạ phần bảo không thể cùng tận, hướng chi là trung phần, thượng phần ư? Hoặc có người chứa nhóm vật báu từ dưới đất lên đến cõi Phạm thiên để cúng dường Phật, thì phước đức cũng không bằng hành trì kinh này, một bữa ăn no đủ thân thể, như kinh có nói rộng. Theo kinh Pháp Hoa cũng nói rõ phương pháp khuyến tu. Phương pháp: Thân khai già, khẩu nói nín, ý Chỉ Quán. Thân khai làm mười: 1. Nghiêm tịnh đạo tràng, 2. Tịnh thân, 3. Ba nghiệp cúng dường, 4. Thỉnh Phật, 5. Lễ Phật, 6. Sáu căn sám hối, 7. Đi nhiều, 8. Tụng kinh, 9. Ngồi thiền, 10. Chứng tướng. Riêng có một quyển tên là Pháp Hoa Tam-muội do Đại sư Thiên Thai soạn để truyền bá ở đời, làm tông chỉ cho người tu hành, bộ này bao gồm cả nói nín, không phải luận bàn riêng. Về ý Chỉ Quán, Phổ Hiền Quán chép: Chuyên tụng Đại thừa không nhập Tam-muội, ngày đêm sám hối tội của sáu căn. Phẩm An Lạc Hạnh chép: Đối với các pháp vô sở hành, cũng không hành, không phân biệt, hai kinh vốn nương nhau thành, đâu thể chấp văn chống trái nhau, vì duyên trước sau xen nhau nêu ra, nên chẳng khác nhau nhiều. Phẩm An Lạc Hạnh chép: Hộ trì đọc tụng, giải thích dốc lòng lễ bái v.v... há chẳng phải sự ư? Quán kinh nói về vô tướng sám hối, tâm ta tự không tội phước vô chủ, mặt trời trí tuệ có công năng làm tiêu trừ, há chẳng phải lý ư? Ngài Nam Nhạc nói: Hữu tướng an lạc hạnh, vô tướng an lạc hạnh đâu chẳng phải căn cứ sự lý mà được tên như vậy ư? Đặc biệt người tu hành trải qua sự tu sáu căn sám hối, ngộ nhập cho nên gọi là hữu tướng. Như trực quán tất cả pháp đều không làm phương tiện, cho nên gọi là Vô tướng. Khi chứng được điều vi diệu thì cả hai đều xả bỏ, nếu hiểu được ý này thì đối với hai kinh không còn nghi ngờ. Ở đây nói về văn tu quán: Nói voi trắng sáu

ngà: Là Bồ-tát vô lậu, chứng sáu thần thông, có ngà bén nhọn, thông suốt nhanh nhẹn; voi có sức mạnh tiêu biểu Pháp thân gánh vác, vô lậu là không ô nhiễm gọi là bạch. Có ba người, một người cầm chày Kim cương, một người cầm vòng Kim cương, một người cầm hạt ngọc như ý, là tiêu biểu ba trí ở trên đỉnh vô lậu... chày so sánh với voi năng hành, tiêu biểu cho trí tuệ dẫn dắt tu hành, vòng luân chuyển tiêu biểu vượt ra ngoài giả, như ý tiêu biểu cho trung. Trên ngà có ao là tiêu biểu tám giải thoát đó là thể của thiền, thông là dụng của định, vì thể dụng không lìa nhau. Trong ngà có ao, trong ao có hoa, hoa tiêu biểu cho diệu nhân. Dùng năng lực thần thông làm thanh tịnh cõi Phật, lợi ích chúng sinh tức là nhân. Nhân từ sự thông suốt mà sinh, như hoa từ trong ao mọc lên. Trong hoa có người nữ là tiêu biểu cho lòng từ. Nếu không có lòng từ vô duyên thì đâu có thể hối thúc thân khiến vào trong Ta-bà này. Thông do vận lòng từ, như người nữ dơ cao cành hoa, người nữ cầm nhạc khí là tiêu biểu cho bốn nhiếp pháp, từ tu thân miệng hiện các đồng sự lợi hành, tài thí pháp thí dắt dẫn chúng sinh nhiều mối, như trăm ngàn âm thanh nhạc khí vô lượng. Nếu bày hỷ kiến thân, là phổ hiện sắc thân Tam-muội. Tùy theo sở thích của chúng sanh mà hiện, chưa hẳn đều là tạo tượng bạch ngọc.

Nói Đà-la-ni, là từ bi huân tập miệng nói các pháp, đều là tên khác của Pháp Hoa Tam-muội. Hiểu được ý này thì đối với thân voi được tự tại thực hành pháp môn.

Khuyến tu: Phổ Hiền Quán chép: Nếu bảy chúng phạm giới, muốn dứt trừ tội nặng sinh tử trong trăm ngàn muôn ức a-tăng-kỳ kiếp trong khoảng thời gian búng ngón tay, muốn phát tâm Bồ-đề không dứt phiên não mà nhập vào Niết-bàn, không lìa năm dục mà thanh tịnh các căn. Thấy việc chướng bên ngoài, muốn thấy phân thân của Phật Thích-ca và Phật Đa Bảo, muốn đắc Pháp Hoa Tam-muội nhất thiết ngữ ngôn Đà-la-ni, vào nhà Như Lai, mặc áo Như Lai, ngồi tòa Như Lai, ở trong chúng tám bộ trời, rồng, v.v... Nói pháp, muốn được ngài Văn-thù, Dược Vương, các Đại Bồ-tát cầm hương hoa trụ giữa hư không hầu hạ cung phụng thì phải tu tập kinh Pháp Hoa, đọc tụng kinh Đại thừa, nghĩ nhớ việc Đại thừa, khiến cho không tuệ này cùng tương ứng với tâm, nghĩ nhớ mẹ các Bồ-tát, vô thượng phương tiện thù thắng từ tư duy thật tướng sinh ra, các tội như giọt sương mai, trí tuệ mặt trời có công năng tiêu trừ, thành tựu các việc như đây thì không gì là không đầy đủ. Người trì kinh này được thấy, ta cũng thấy được nơi ông, cũng cúng dường Phật Đa Bảo và Phật phân thân, khiến các Đức Phật vui mừng, như kinh nói

rộng. Ai nghe pháp như vậy, mà không phát tâm Bồ-đề, trừ hạng người không ra gì, người si, người mê mờ vô trí tuệ.

4. Phi hành phi tọa Tam-muội: Trên chuyên thực hành đi và ngồi, ở đây đã khác trên, làm thành bốn câu cho nên gọi là phi hành phi tọa. Sự thật thông suốt đi, ngồi và tất cả việc mà ngài Nam Nhạc gọi là tùy tự ý. Ý khởi tức tu Tam-muội, đại phẩm gọi là giác ý Tam-muội, ý nghĩa thú hưởng đều hiểu biết rõ ràng. Tuy có ba tên gọi mà kỳ thật chỉ là một pháp.

Nay y vào kinh mà giải thích tên gọi. Giác là chiếu rõ, ý là tâm sở, Tam-muội như trước đã giải thích. Hành là khi tâm sở khởi trở lại soi chiếu quán sát, không thấy động tĩnh căn nguyên chung cực, chỗ đến chỗ đi, cho nên gọi là giác ý. Các số vô lượng, vì sao đối ý mà nói về giác, cùng tột nguồn gốc các pháp đều do ý tạo ra, cho nên dùng ý làm đầu mối của lời nói. Đối cảnh hiểu biết khác với gỗ đá gọi là tâm. Kế đến tâm tính gọi là ý. Phân biệt biết rõ gọi là thức. Như vậy phân biệt tùy tâm tưởng thấy có sự trái ngược bên trong thì đầu thể gọi là giác được, giác là hiểu biết trong tâm chẳng phải có ý, cũng chẳng phải không có ý, trong tâm chẳng có thức cũng chẳng phải không có thức, trong ý chẳng phải có tâm cũng chẳng phải không có tâm, trong ý chẳng phải có thức, cũng chẳng phải không có thức, trong thức chẳng phải có ý cũng chẳng phải không có ý, trong thức chẳng phải có tâm cũng chẳng phải không có tâm. Tâm, ý, thức chẳng phải một cho nên đặt ba tên, chẳng phải ba cho nên nói một tánh. Nếu biết danh chẳng phải danh thì tánh cũng chẳng phải tánh. Chẳng phải danh nên không phải ba phi tánh, cho nên chẳng phải một, chẳng phải ba nên không tán, chẳng phải một nên bất hợp, bất hợp nên bất không, vì bất tán nên bất hữu, vì chẳng phải hữu nên bất thường, vì chẳng phải không nên bất đoạn. Nếu không thấy thường đoạn thì rốt cuộc không thấy một khác, nếu quán ý thì thâm nhiếp tâm thức, tất cả pháp cũng vậy. Nếu phá ý thì vô minh hoại, các kiến sử đều còn sót lại hết, cho nên các pháp tuy nhiều nhưng chỉ nêu ý để nói về Tam-muội. Quán sát thì điều hòa thẳng ngay cho nên nói giác ý Tam-muội. Tùy tự ý phi hành phi tọa y cứ theo đây có thể hiểu. Ở đây chia làm bốn: 1. Y cứ vào các kinh; 2. Y cứ vào các điều lành; 3. Y cứ vào các điều ác; 4. Y cứ vào các điều vô ký. Hành pháp của các kinh, ba thứ trên không thâm nhiếp, tức thuộc tùy tự ý. Vả lại y cứ vào thỉnh Quán Âm chỉ bày tướng kia, ở nơi yên tịnh trang nghiêm đạo tràng, dùng phướn lọng, hương đèn thỉnh tượng Di-đà và tượng hai vị Bồ-tát Quán Âm, Thế Chí đặt ở phương Tây, lập nhành dương nước

sạch, nếu tiện lợi hai bên thì dùng hương xoa thân, tắm gội sạch sẽ, đắp mặc y mới, ăn chay, phải hướng về phía Tây năm vóc gieo sát đất lễ lạy Tam bảo bảy vị: Thích Tôn, đức Di-đà, ba Đà-la-ni, hai vị Bồ-tát Thánh chúng, lạy rồi quỳ gối chấp tay đốt hương rải hoa, dốc lòng vận tưởng như thường pháp, cúng dường rồi thân ngồi kiết già ngay ngắn, buộc niệm quán sổ tức, mười hơi thở làm một niệm, mười niệm thành tựu rồi đứng dậy thắp hương, vì chúng sinh ba lần xưng thỉnh Tam bảo, thỉnh rồi ba lần xưng danh Tam bảo, rồi lại xưng danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm. Chấp mười ngón tay, tụng bốn hàng kệ xong lại tụng ba biến chú, hoặc một biến hoặc bảy biến, xem thời sáng chiều, tụng chú xong bày tỏ sám hối, tự mình nhớ tội đã phạm, tắm rửa sạch sẽ sám hối rồi lễ lạy các tượng đã thỉnh ở trên. Lễ rồi, một người bước lên tòa cao, hoặc xướng hoặc tụng văn kinh này, các người khác lắng nghe, trước ngọ đầu hôm phương pháp kia cũng giống như đây, các thời khác nghi thức như thường. Nếu có gì nghi ngờ thiếu sót thì có thể tìm xem trong kinh có bổ túc thêm...

Kinh chép: Nhãn tương ưng với sắc, thì làm sao nhiếp trụ! Cho đến ý tương ưng với phan duyên làm sao nhiếp trụ! Kinh Đại Tập chép: Như tâm trụ, như tức không. Văn này mỗi mỗi đều nhập mé thật, tức là tên khác của như không! Đất không vững chắc, hoặc cho đất là hữu, hữu tức thật, thật là nghĩa vững chắc, hoặc nói đất là không, là vừa có vừa không, chẳng hữu chẳng vô, là sự thật, đều là nghĩa vững chắc. Nay nói rốt cuộc không thể quên được tánh vững chắc kia. Tánh nước không trụ, cho nước là hữu, hữu tức là trụ, cho đến cho rằng nước là chẳng hữu chẳng vô, cũng tức là trụ. Nay không trụ hữu bốn câu, cũng không trụ trong vô bốn câu, cũng không trụ trong thể nói, cho nên nói tánh nước bất trụ. Tánh gió vô ngại; Quán gió là hữu, hữu tức là ngại, cho đến nói gió là chẳng hữu chẳng vô, cũng vô vô bốn câu, cho nên nói tánh gió vô ngại. Hỏa đại không thật. Hỏa không tự mình sinh cho đến không từ vô nhân sinh, vốn không tự tánh, nương duyên mà có, cho nên nói không thật. Quán sắc đã vậy, thọ, tưởng, hành, thức mỗi ấm đều nhập vào mé như thật. Quán ấm đã vậy, mười hai nhân duyên những tiếng vang dội trong hang cốc, như cây chuối đứng vững giữa sương mù... Một lúc vận niệm, khiến không quán thành, khuyên cần phải tu tập cho được tương ưng, quán gốc tuệ không thể thiếu. Tiêu trừ hàng phục độc hại Đà-la-ni năng phá chướng. Người Tỳ-xá-ly bình phục như cũ, phá ác nghiệp Đà-la-ni, năng phá nghiệp chướng, phá người phạm hạnh tiêu trừ phân uế, khiến được thanh tịnh. Chương cú sáu chữ Đà-la-ni năng phá, phiền não

chương thanh tịnh, đối với ba độc căn thành Phật đạo không nghi ngờ. Sáu chữ tức là sáu Quán Thế Âm, năng phá ba chướng trong sáu đường, có chỗ nói đại bi Quán Thế Âm phá địa ngục đạo ba chướng. Đường này khổ nặng phải dùng đại bi. Đại từ Quán Thế Âm phá ba chướng trong đường ngạ quỷ, đường này đói khát phải dùng Đại từ. Sự tử vô úy Quán Thế Âm phá ba chướng A-tu-la đạo, đường này hay sinh nghi ngờ, ganh tị thiên chấp nên dùng phổ chiếu. Trời, người, trượng phu, Quán Thế Âm phá ba chướng cõi người, cõi người có sự lý, sự hàng phục tâm kiêu mạn, gọi là trời người, lý thì thấy Phật tánh nên gọi Trượng phu. Đại Phạm thâm viển Quán Thế Âm phá ba chướng cõi trời, Phạm là chủ cõi trời, tiêu biểu cho sự làm chủ thần dân. Quảng lục Quán Thế Âm tức là hai mươi lăm Tam-muội. Đại bi tức vô cấu Tam-muội. Đại từ tức tâm lạc Tam-muội, Trượng phu tức bốn Tam-muội như huyện v.v... Đại phạm tức mười bảy Tam-muội như bất động, v.v... Tự suy tư có thể biết. Kinh này chung cho hàng Tam thừa sám hối. Nếu tự mình điều phục, tự dứt trừ các kết tặc thì thành A-la-hán, hoặc phước dày lợi căn quán vô minh, hành v.v... Thành Duyên giác đạo; hoặc khởi đại bi thân sáng như lưu ly, trong lỗ chân lông thấy Phật, đặc Thủ-lăng-nghiêm, trụ không lui sụt. Các kinh Đại thừa có lưu loại này, hoặc Thất Phật, Bát Bồ-tát sám, hoặc Bồ-tát Hư không tạng tám trăm ngày ở nơi nhà xí như thế đều là tùy tự ý nhiếp...

2. Nói rõ các điều lành chia làm hai; Trước phân biệt tứ vận, kế nêu rõ các điều lành. Ban đầu nói về tứ vận. Tâm thức không có hình tướng, không thể thấy, y cứ vào bốn tướng để phân biệt. Đó là Vị niệm, Dục niệm, Chính niệm, Dĩ niệm. Vị niệm là tâm chưa sinh khởi. Dục niệm là tâm sắp sinh khởi, chính niệm là đang duyên cảnh mà trụ, niệm dĩ là đã duyên cảnh rồi. Nếu thấu đạt được bốn ý này, tức nhất nhất tướng vô tướng.

Hỏi: Chưa niệm chưa khởi, đã niệm đã khởi, hai thứ này đều vô tâm, vô tâm thì vô tướng, làm sao quán được? Đáp: Chưa niệm tuy chưa khởi, nhưng chẳng phải rốt ráo không, như người tuy hiện tại chưa tạo tác nhưng về sau thì tạo tác, không thể vì chưa tạo tác mà nói là không có người làm. Nếu nhất định không có người, thì sau đó ai làm, do có người mà chưa làm đó thôi! Thì sẽ có người làm, tâm cũng giống như vậy. Nhân vì chưa niệm nên nói sắp có niệm, nếu không chưa niệm tại sao có sắp niệm được. Vì vậy nên chưa niệm chưa có nhưng chẳng phải rốt ráo không niệm. Niệm rồi tuy diệt cũng có thể quán sát được, như người đã làm xong không được nói là không làm. Nếu nhất định không

có người thì trước ai làm. Niệm rồi tâm diệt cũng giống như vậy, không được nói diệt hẳn, nếu cho rằng diệt hẳn thì đó là đoạn kiến không nhân không quả, vì vậy cho nên niệm rồi tuy diệt cũng có thể quán được.

Hỏi: Quá khứ đã qua, vị lai chưa đến, hiện tại không dừng, nếu lìa ba đời thì không có tâm riêng, vậy phải quán tâm nào? Đáp: Ông hỏi sai, nếu quá khứ diệt hẳn thì rốt cuộc không thể biết, vị lai chưa sinh khởi không thể biết, hiện tại không trụ không thể biết, thì làm sao mà các bậc Thánh biết tâm ba đời. Quý thần còn biết tự tha trong ba đời, vì sao trong Phật pháp người tu hành khởi kiến chấp đoạn diệt lông rùa sừng thỏ! Phải biết tâm ba đời tuy không nhất định là thật nhưng cũng có thể biết được, cho nên kệ nói rằng: Điều các Đức Phật nói, tuy không cũng không đoạn, nối nhau cũng không thường, tội phước cũng chẳng mất. Nếu khởi đoạn diệt thì như người mù nhìn sắc, đối với Phật pháp không có chánh quán, mắt không đạt được gì, hành giả đã biết tâm có bốn tướng, tùy tâm sinh khởi các niệm thiện ác, dùng trí không chấp trước trở lại soi chiếu quán sát.

Kế đến là nêu rõ việc lành, việc lành rất nhiều, nên căn cứ sáu Độ, nếu có các trần phải xả bỏ sáu thọ, hoặc không có tài vật thì phải vận sáu tác. Xả vận luận chung có mười hai việc. Trước nói khi nhãn thọ sắc, chưa thấy, sắp thấy, đang thấy, thấy rồi, bốn vận tâm đều không thể thấy, cũng không thể không thấy, lại quán giác sắc tâm, không phải từ ngoài đến, bên ngoài đến đối với ta không liên quan, không từ bên trong ra, bên trong ra thì không đơi nhân duyên, đã không trong ngoài, cũng không ở giữa, không thường tự có, phải biết hiểu rõ sắc ấy rất ráo vắng lặng. Sắc sở quán bình đẳng với không, sắc Năng quán đồng với người mù cho đến ý duyên pháp, chưa duyên, sắp duyên, đang duyên, duyên rồi, bốn tâm đều không thật có. Trở lại quán biết tâm pháp không từ ngoài đến, không phải ở trong ra, không có pháp trần, không pháp tức bình đẳng với không, đó gọi là quán giác sáu thọ v.v... Nhãn căn, sắc trần, không minh, mỗi duyên đều không thấy, cũng không phân biệt, do nhân duyên hòa hợp sinh ra nhãn thức, nhãn thức nhân duyên sinh ý thức, khi ý thức sinh thì có khả năng phân biệt. Nương ý thức thì có nhãn thức, nhãn thức có khả năng thấy, thấy rồi sinh lòng tham, tham nhiễm nơi sắc, làm hủy hoại giới đã thọ, đây là bốn vận địa ngục. Ý thật ưa thích sắc mà che giấu không nói, đây là bốn vận quỷ đạo. Đối diện sắc sinh tham đắm rồi chấp ngã sở là thuộc về bốn vận súc sinh. Sắc ta, sắc người, ta hơn, người thua là thuộc bốn vận A-tu-la. Người tặng biểu sắc cho ta, ta không cho, không lấy, đối với sắc trên khởi lòng

nhân nhượng tin hiểu v.v... là thuộc năm giới mười điều lành thuộc bốn vận trời người. Quán bốn vận tâm, tướng tâm sinh diệt, tâm tâm bất trú, tâm tâm ba thọ, tâm tâm không tự tại, tâm tâm thuộc nhân duyên. Bốn vận Nhị thừa. Bốn vận quán mình thì có lỗi như đây, bốn vận quán người cũng giống như vậy, liền khởi từ bi mà thực hành sáu Độ. Vì sao? Vì tánh tướng sáu thọ như đây từ vô lượng kiếp đến nay ngu si ôm chấp không xả bỏ được, có xả cũng không thể quên; Nay quán trần chẳng phải trần, đối với trần không thọ, quán căn chẳng phải căn đối mình không chấp, quán người không thật có, cũng không thọ, ba việc đều không thì gọi Đản ba-la-mật.

Kinh Kim Cương Bát-nhã chép: Nếu trụ sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp mà bố thí, đó gọi là trụ tướng bố thí, như người vào nhà tối thì không thấy gì, không trụ thanh vị bố thí, đó là vô tướng bố thí, như người có mắt sáng, mặt trời chiếu soi thì thấy các màu sắc, nói thẳng không thấy tướng lược còn khó hiểu. Nay không thấy sắc, có tướng không tướng, cũng là tướng hữu vô, chẳng phải tướng hữu vô. Hoặc mỗi nơi đều chấp tướng, dẫn khiến ra khỏi, không khởi sáu mươi hai kiến chấp chính gọi là vô tướng đản ba-la-mật đến bờ bên kia. Tất cả pháp hưởng đến đản ba-la-mật thành Đại thừa gọi là bốn vận của Bồ-tát, lại quán bốn vận đồng với hư không tức là thường, không thọ bốn vận đồng với hư không tức là thường, không thọ bốn vận tức là lạc, không vì bốn vận khởi nghiệp tức là ngã, bốn vận không ô nhiễm tức là tịnh, đó gọi là Phật pháp bốn vận. Như vậy bốn vận tuy không, trong không thấy có đủ bốn vận, cho đến thấy khắp hằng sa Phật pháp thành Đại thừa, đó gọi là giả danh bốn vận. Hoặc không nên lẽ ra không đủ thập pháp giới, pháp giới từ nhân duyên sinh, thể lại chẳng phải hữu, chẳng phải có cho nên không, chẳng phải không cho nên có, chẳng thể không hữu, song chiếu không hữu, ba đế rõ ràng, đầy đủ Phật tri kiến, đối với bốn vận tâm đầy đủ rõ ràng. Quán thanh hương vị xúc pháp, năm thọ bốn vận tâm, viên giác ba đế, không thể suy nghĩ bàn luận, cũng lại như vậy, y cứ theo trước có thể biết, không phiền ghi chép lại.